

Số: 03/2025/QĐST-KDTM

Phú Xuân, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 113/2024/TLST-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần B; Địa chỉ: H Kiệt H N, phường A, quận T, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Trà M, sinh năm: 1985; chức vụ: Kế toán viên của Công ty.

- Bị đơn: Công ty TNHH A; Địa chỉ: B X, phường T, quận P, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H - Giám đốc công ty TNHH A.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hải V - Chức vụ: Kế toán Công ty.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 26/3/2025, Công ty TNHH A còn nợ của Công ty cổ phần B số tiền là 320.969.781 đồng.

2.2. Về phương thức, thời hạn thanh toán nợ: Công ty TNHH A phải trả cho Công ty cổ phần B số tiền còn nợ là 320.969.781 đồng làm 03 đợt, cụ thể như sau:

Vào ngày 30/4/2025, Công ty TNHH A trả cho Công ty cổ phần B số tiền 100.000.000 đồng;

Vào ngày 30/5/2025, Công ty TNHH A trả cho Công ty cổ phần B số tiền 100.000.000 đồng;

Vào ngày 30/6/2025, Công ty TNHH A trả cho Công ty cổ phần B số tiền 120.969.781 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH A vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ tháng nào thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải trả nợ một lần đối với số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 306 Luật thương mại 2005, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2.3. Về án phí: Số tiền kinh doanh thương mại sơ thẩm là: $(320.969.781 \text{ đồng} \times 5\%) \times 50\% = 8.024.245 \text{ đồng}$.

Công ty TNHH A tự nguyện chịu 4.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần B tự nguyện chịu 4.024.245 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.420.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005617 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần B số tiền 10.395.755 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN